TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02020



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 07122006 | HỒ TUẤN | ANH | DH08QT | | | 9 | 9 | 0 |
| 2 | 09150006 | THÁI BÁ | BÌNH | DH09TM | | | 5 | 5 | 0 |
| 3 | 09150008 | PHAN HOÀNG THANH T | CHI | DH09TM | | | 1 | 1 | 0 |
| 4 | 09159001 | PHẠM LƯƠNG HOÀNG | DIỆU | DH09TM | | | .6 | 6 | 0 |
| 5 | 09150013 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG | DUNG | DH09TM | | | 10 | 10 | 0 |
| 6 | 08143003 | PHẠM THỊ THÙY | DUNG | DH08KM | | | 7 | 7 | 0 |
| 7 | 09143054 | NGUYỄN TIẾN | DŨNG | DH09KM | | | 5 | 5 | 0 |
| 8 | 08143004 | ĐOÀN XUÂN | DUY | DH08KM | | | 7 | 7 | 0 |
| 9 | 08143005 | NGUYỄN PHƯỚC | DUY | DH08KM | | | 5 | 5 | 0 |
| 10 | 08150019 | PHÙNG CHẤN | DUY | DH08TM | | | 7 | 7 | 0 |
| 11 | 09150016 | BÙI THỊ KIM | DUYÊN | DH09TM | | | 5 | 5 | 0 |
| 12 | 08150020 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | DUYÊN | DH08TM | | | 5 | 5 | 0 |
| ~~13~~ | ~~09363045~~ | ~~TRẦN THỊ~~ | ~~DUYÊN~~ | CD09CA | | | Vắng | 0 | 0 |
| 14 | 08146109 | PHAN THỊ TUYẾT | GHÉ | DH08KM | | | 8 | 8 | 0 |
| 15 | 08150033 | KHUẤT DUY HỒNG | HÀ | DH08TM | | | 7 | 7 | 0 |
| 16 | 09363065 | NGUYỄN LÊ HOÀNG | HẢI | CD09CA | | | 7 | 7 | 0 |
| 17 | 08168030 | PHẠM THỊ MỸ | HẠNH | CD08CA | | | 7 | 7 | 0 |
| 18 | 09363071 | NGUYỄN THỊ THU | HẰNG | CD09CA | | | 7 | 7 | 0 |

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02020



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09123041 | TRƯƠNG THỊ THÚY | HẰNG | DH09KE | | | 7 | 7 | 0 |
| 20 | 08120008 | TRẦN THỊ NGỌC | HÂN | DH08KT | | | 9 | 9 | 0 |
| 21 | 08120009 | HOÀNG NGỌC | HIỀN | DH08KT | | | 7 | 7 | 0 |
| 22 | 09150034 | NGUYỄN THỊ | HIẾU | DH09TM | | | 9 | 9 | 0 |
| 23 | 08150046 | DƯƠNG ĐÌNH | HOÀNG | DH08TM | | | 7 | 7 | 0 |
| 24 | 09143059 | NGUYỄN THỊ ÁNH | HỒNG | DH09KM | | | 7 | 7 | 0 |

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02067



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 08143026 | NGUYỄN THỊ | THÊM | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 2 | 08122121 | LÊ VÕ | THỊNH | DH08QT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 3 | 08143027 | NGUYỄN THỊ | THƠ | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 4 | 09363195 | TRẦN THỊ | THƠ | CD09CA | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 5 | 08143063 | NGUYỄN THỊ | THUẬN | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 6 | 08143029 | TRỊNH HỮU | THUẬN | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 7 | 08143065 | NGUYỄN THỊ | THỦY | DH08KM | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 8 | 09123164 | VÕ THỊ THU | THỦY | DH09KE | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 9 | 09363210 | HOÀNG THỊ THU | THÚY | CD09CA | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 10 | 08122129 | VƯƠNG THỊ | THÚY | DH08QT | 2 | | 8 | 8 | 0 |
| 11 | 08123173 | MAI ĐẮC | THƯƠNG | DH08KE | 1 | | 9 | 9 | 0 |
| 12 | 09363217 | PHẠM THỊ | THƯƠNG | CD09CA | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 13 | 08143032 | NGUYỄN QUỐC | TÍN | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 14 | 08122134 | NGUYỄN PHÚC | TÍNH | DH08QT | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 15 | 08143033 | NGUYỄN THÀNH | TÍNH | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 16 | 08143034 | CAO THỊ | TRANG | DH08KM | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 17 | 08120030 | HOÀNG THỊ TUYẾT | TRINH | DH08KT | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 18 | 08120084 | NGUYỄN THỊ THU | TRÚC | DH08KT | 1 | | 10 | 10 | 0 |

Số bài: 25 ; Số tờ: 26

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Ng Mai Anh

Phạm Thị T. Nhân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02067



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08143069 | HOÀNG BẢO | TRUNG | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | |
| 20 | 08120031 | NGUYỄN VĂN | TRUNG | DH08KT | 1 | | 5 | 5 | |
| 21 | 08143038 | LÝ TƯỜNG | VI | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | |
| 22 | 08150181 | NGUYỄN THỊ | VI | DH08TM | 1 | | 7 | 7 | |
| 23 | 07143046 | HUỲNH LÊ | VIÊN | DH08KM | 1 | | 1 | 1 | |
| 24 | 07143110 | ĐOÀN TRỌNG | VINH | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | |
| 25 | 08143040 | TRẦN THỊ PHI | YẾN | DH08KM | 1 | | 5 | 5 | |

Số bài: 25 ; Số tờ: 26

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02066



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09363085 | HUỲNH THANH | HUYỀN | CD09CA | 1 | | 3 | 3 | 0 |
| 2 | 09164002 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HƯƠNG | DH09QT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 3 | 08143011 | MAI THỊ TUYẾT | LAN | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 4 | 09363105 | NGUYỄN THỊ BÍCH | LIÊN | CD09CA | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 5 | 09143089 | TRẦN THỊ PHƯƠNG | LINH | DH09KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 6 | 08143013 | TRỊNH THỊ KIM | LOAN | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 7 | 09130047 | NGUYỄN MINH | LUÂN | DH09DT | 1 | | 3 | 3 | 0 |
| 8 | 08120058 | TRỊNH THỊ KIM | LY | DH08KT | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 9 | 09123088 | DƯƠNG HOÀNG | NAM | DH09KE | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 10 | 08122081 | NGUYỄN HOÀNG | NAM | DH08QT | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 11 | 08123110 | PHAN THỊ CHÂU | NGÀ | DH08KE | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 12 | 09130059 | PHẠM BÁ | NGỌC | DH09DT | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 13 | 09363134 | BÙI THỊ | NHANH | CD09CA | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 14 | 08143055 | NGUYỄN THỊ | NHƯ | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 15 | 09164003 | NGÔ HẠ LINH | PHƯƠNG | DH09QT | 1 | | 10 | 10 | 0 |
| 16 | 08123135 | NGUYỄN THỊ BÍCH | PHƯỢNG | DH08KE | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 17 | 09164004 | HOÀNG THỊ | QUỲNH | DH09QT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 18 | 08143022 | LÊ THANH | SANG | DH08KM | 1 | | 8 | 8 | 0 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02066



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08143057 | NGUYỄN VĂN | SANG | DH08KM | 1 | | 9 | 9 | 0 |
| 20 | 08123145 | NGUYỄN THIÊN | SƠN | DH08KE | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 21 | 08143023 | HOÀNG THỊ THANH | THANH | DH08KM | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 22 | 08120071 | TRẦN THỊ DẠ | THẢO | DH08KT | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 23 | 08143059 | LÊ THỊ HUỲNH | THẨM | DH08KM | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 24 | 08143060 | NGUYỄN THỊ KIM | THE | DH08KM | 1 | | 6 | 6 | 0 |

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01630



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/2010 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09150004 | BÙI THỊ | ÁI | DH09TM | | | 7,2 | 7 | 2 |
| 2 | 09363009 | CAO THỊ THÚY | AN | CD09CA | | | 1 | 1 | 0 |
| 3 | 08122002 | ĐINH THỊ KIM | ANH | DH08QT | | | 4,8 | 4 | 8 |
| 4 | 08150005 | HOÀNG VĂN | ÁNH | DH08TM | | | 5,5 | 5 | 5 |
| 5 | 09363028 | PHAN THỊ NGỌC | BÍCH | CD09CA | | | 7,2 | 7 | 2 |
| 6 | 09363030 | TRƯƠNG THỊ MỘNG | CẦM | CD09CA | | | 1,5 | 1 | 5 |
| 7 | 08120002 | VÕ TẤN | CHƯƠNG | DH08KT | | | 4,5 | 4 | 5 |
| 8 | 07120050 | TRƯƠNG MINH | CƯỜNG | DH08KT | | | 2 | 2 | 0 |
| 9 | 09363038 | PHẠM THỊ NHẬT | DIỄM | CD09CA | | | 4,5 | 4 | 5 |
| 10 | 09150009 | PHAN THỊ | DIỄM | DH09TM | | | 4,5 | 4 | 5 |
| 11 | 09363043 | QUÁCH THỊ | DUNG | CD09CA | | Dung | 3 | 3 | 0 |
| 12 | 09363046 | VÕ THỊ | DUYÊN | CD09CA | | | 7,5 | 7 | 5 |
| 13 | 08155001 | HÀ DUY | ĐÀO | DH08KT | | Đào | 6,4 | 6 | 4 |
| 14 | 08121001 | LÊ THỊ | ĐÀO | DH08KT | | Đào | 10 | 10 | 0 |
| 15 | 09363049 | ĐỖ THỊ THANH | ĐỆ | CD09CA | | | 5,6 | 5 | 6 |
| 16 | 09363050 | LÊ THỊ NGỌC | ĐIỆP | CD09CA | | | 0,5 | 0 | 5 |
| 17 | 09143055 | TRẦN THỊ MỸ | ĐIỆP | DH09KM | | | 8 | 8 | 0 |
| 18 | 09150020 | PHẠM THỊ | ĐOAN | DH09TM | | | 7,5 | 7 | 5 |

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Trương Đình Bảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Xuân Nhã

Ngày 26 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01667



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/10 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09363053 | CAO THỊ DIỆU | ĐỨC | CD09CA | | | 6 | 6 | 0 |
| 20 | 08150026 | HUỲNH THỊ HẰNG | EM | DH08TM | | | 5,6 | 5 | 6 |
| 21 | 08150027 | BÙI THỊ TUYẾT | GIANG | DH08TM | | | 6,5 | 6 | 5 |
| 22 | 08120046 | PHẠM THỊ MỸ | HẠNH | DH08KT | | | 5,6 | 5 | 6 |
| 23 | 09150029 | LÊ THỊ | HẰNG | DH09TM | | | 7 | 7 | 0 |
| 24 | 09155004 | TRẦN THỊ LỆ | HẰNG | DH09KM | | | 4,8 | 4 | 8 |
| ~~25~~ | ~~09130112~~ | ~~NGUYỄN ĐĂNG~~ | ~~HẬU~~ | ~~DH09DT~~ | | | | | |
| 26 | 09121002 | PHẠM THỊ DIỆU | HIỀN | DH09KT | | | 10 | 10 | 0 |
| 27 | 08122039 | NGUYỄN MINH | HIỂN | DH08QT | | | 5,5 | 5 | 5 |
| ~~28~~ | ~~09130113~~ | ~~ĐINH CÔNG~~ | ~~HIẾU~~ | ~~DH09DT~~ | | | | | |
| 29 | 09130024 | NGUYỄN TRUNG | HIẾU | DH09DT | | | 6,4 | 6 | 4 |
| 30 | 08150048 | ĐỖ XUÂN | HÒA | DH08TM | | | 6,5 | 6 | 5 |
| 31 | 09122052 | LÂM VĂN | HÒA | DH09QT | | | 4,8 | 4 | 8 |
| 32 | 09143022 | NGUYỄN THỊ THÚY | NGỌC | DH09KM | | | 2,5 | 2 | 5 |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2 Trương Đình Bảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Bùi Xuân Nhị

Ngày 26 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01653



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/2010 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09120021 | ĐỖ THỊ THANH | NHÃ | DH09KT | 1 | | 8,5 | 8 | 5 |
| 2 | 09363140 | TRẦN THỊ CẨM | NHUNG | CD09CA | 1 | | 7 | 7 | |
| 3 | 09150070 | LÊ THỊ THẢO | NHƯ | DH09TM | 1 | | 8,5 | 8 | 5 |
| 4 | 09363149 | CAO THỊ MAI | PHƯƠNG | CD09CA | 1 | | 4,8 | 4 | 8 |
| 5 | 08150112 | NGUYỄN THỊ HỒNG | PHƯƠNG | DH08TM | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 6 | 08150113 | NGUYỄN THU | PHƯƠNG | DH08TM | 1 | | 7,2 | 7 | 2 |
| 7 | 09363154 | VÕ THỊ BÍCH | PHƯƠNG | CD09CA | 1 | | 3 | 3 | |
| 8 | 08150116 | NGUYỄN CÔNG | QUẢNG | DH08TM | 1 | | 4,8 | 4 | 8 |
| 9 | 09363165 | CAO VĂN | QUỲNH | CD09CA | 1 | | 5,5 | 5 | 5 |
| 10 | 09150078 | NGUYỄN THỊ HIỀN | SANG | DH09TM | 1 | | 3,5 | 3 | 5 |
| 11 | 08168134 | ĐỖ HOÀNG | THANH | CD08CA | 1 | | 4,8 | 4 | 8 |
| 12 | 09363173 | VÕ THỊ KIM | THANH | CD09CA | 1 | | 3,5 | 3 | 5 |
| 13 | 09363178 | NGUYỄN PHƯƠNG | THẢO | CD09CA | 1 | | 2,4 | 2 | 4 |
| 14 | 09150088 | NGUYỄN HỮU HOÀNG | THÂN | DH09TM | 1 | | 0 | 0 | |
| 15 | 09363187 | DƯ THỊ | THẾ | CD09CA | 1 | | 7,2 | 7 | 2 |
| 16 | 08120024 | LÊ QUANG | THIỆN | DH08KT | 1 | | 5 | 5 | |
| 17 | 09363192 | NGUYỄN THỊ KIM | THOA | CD09CA | 1 | | 4,5 | 4 | 5 |
| 18 | 08123167 | PHAN THỊ HOÀI | THU | DH08KE | 1 | | 9 | 9 | |

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 11 năm 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01653



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/2010 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~19~~ | ~~09130085~~ | ~~ĐỖ TRẦN~~ | ~~THUẬN~~ | ~~DH09DT~~ | | | | 0 | |
| 20 | 08120077 | LÊ THỊ MỸ | THUẬN | DH08KT | 1 | | 4,5 | 4 | 5 |
| 21 | 08123169 | LÊ THỊ MỸ | THUẬN | DH08KE | 1 | | 6,4 | 6 | 4 |
| 22 | 09363277 | TRƯƠNG THỊ THU | THỦY | CD09CA | 1 | | 2,5 | 2 | 5 |
| 23 | 08150144 | DƯƠNG THỊ | THỦY | DH08TM | 1 | | 4,8 | 4 | 8 |
| 24 | 09123161 | ĐINH THỊ THU | THỦY | DH09KE | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 25 | 09363199 | LƯỜNG THỊ | THỦY | CD09CA | 1 | | 2,4 | 2 | 4 |
| 26 | 09143080 | NGUYỄN THỊ | THỦY | DH09KM | 1 | | 1 | 1 | 0 |
| 27 | 09363207 | PHẠM THỊ THU | THỦY | CD09CA | 1 | | 6,4 | 6 | 4 |
| 28 | 09363200 | VÕ THỊ THU | THÚY | CD09CA | 1 | | 1,5 | 1 | 5 |
| 29 | 09363213 | LÂM THỊ MINH | THƯ | CD09CA | 1 | | 1 | 1 | 0 |
| 30 | 07120088 | TRẦN THÙY | TIÊN | DH08KT | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 31 | 09130087 | NGUYỄN VĂN | TOÀN | DH09DT | 1 | | 0 | 0 | 0 |

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Thị Thùy Dương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Xuân Nhã

Ngày 26 tháng 11 năm 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01652



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/10 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HĐ202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 07123077 | CHUNG THỊ | HỒNG | DH08KE | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 2 | 09130028 | NGUYỄN HOÀNG | HUÂN | DH09DT | 1 | | 4,8 | 4 | 8 |
| 3 | 09363088 | TRỊNH THANH | HÙNG | CD09CA | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 4 | 09130029 | TRẦN VŨ THANH | HUY | DH09DT | 1 | | 5,6 | 5 | 6 |
| 5 | 08120049 | NGUYỄN THỊ DIỆU | HUYỀN | DH08KT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 6 | 09123055 | PHẠM KHÁNH | HUYỀN | DH09KE | 1 | | 2 | 2 | 0 |
| 7 | 08150058 | NGUYỄN THỊ | HƯƠNG | DH08TM | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 8 | 09363093 | NGUYỄN THỊ DIỄM | HƯƠNG | CD09CA | 1 | | 2 | 2 | 0 |
| 9 | 08120054 | LÊ QUANG | KHÁNH | DH08KT | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 10 | 09120009 | TRẦN VĂN | KIỂM | DH09KT | 1 | | 3,2 | 3 | 2 |
| 11 | 09363097 | DƯƠNG THÚY | KIỀU | CD09CA | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 12 | 08150064 | HUỲNH MAI | LAN | DH08TM | 2 | | 6,4 | 6 | 4 |
| 13 | 09120010 | PHẠM THỊ TOÀN | LANH | DH09KT | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 14 | 09150047 | LÊ THỊ | LÀNH | DH09TM | V | | | V | 0 |
| 15 | 08168067 | LÊ THỊ PHƯƠNG | LIÊN | CD08CA | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 16 | 09363110 | HUỲNH HOÀI | LINH | CD09CA | 1 | | 1 | 1 | 0 |
| 17 | 08168071 | PHẠM THỊ TRÚC | LINH | CD08CA | 1 | | 3,5 | 3 | 5 |
| 18 | 09363114 | NGUYỄN CHÍ | LONG | CD09CA | V | | | V | 0 |

Số bài: 28 ; Số tờ: 50

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 01652



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Nguyên lý kế toán (208336) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 26/11/10 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09130044 | THẠCH PHƯƠNG | LỘC | DH09DT | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 20 | 07121010 | NGUYỄN VĂN | LỢI | DH08KT | 1 | | 10 | 10 | 0 |
| 21 | 08143014 | NGUYỄN THỊ | MAI | DH08KM | 1 | | 2 | 2 | 0 |
| 22 | 09363119 | NGUYỄN THỊ | MAI | CD09CA | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 23 | 08150079 | PHAN THỊ HỒNG | MẬN | DH08TM | 1 | | 2,5 | 2 | 5 |
| 24 | 09363122 | NGUYỄN HOÀNG | NAM | CD09CA | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 25 | 09130054 | QUÁCH MINH | NAM | DH09DT | 1 | | 6 | 6 | 0 |
| 26 | 09143068 | DƯƠNG THỊ THU | NGÂN | DH09KM | 1 | | 2 | 2 | 0 |
| 27 | 09363126 | HUỲNH HẠNH | NGÂN | CD09CA | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 28 | 09363128 | LÊ THỊ THÚY | NGÂN | CD09CA | 1 | | 3,2 | 3 | 2 |
| 29 | 09130057 | NGUYỄN THỊ | NGỌ | DH09DT | 1 | | 5,5 | 5 | 5 |
| 30 | 08123120 | NGUYỄN THỊ HỒNG | NGỌC | DH08KE | 2 | | 7,5 | 7 | 5 |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Số bài: 28 ; Số tờ: 50

Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Vũ Ngọc Yến

Bùi Xuân Nhã